

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Quang Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Xuân.

Ông Phương Văn Tư.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Huyền Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị X, sinh năm 1997;

Nơi đăng ký thường trú: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bé Văn C, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký thường trú: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa nguyên đơn Đàm Thị X trình bày: Chị và anh Bé Văn C kết hôn ngày 01/7/2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, yêu thương chăm sóc nhau.

Đến năm 2019, chị phát hiện chồng nghiện ma túy, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xung đột, không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, hiện chị không còn tình cảm với anh C, yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng có 01 con chung là Bé Minh N (sinh ngày 10/12/2016), hiện nay đang sống cùng anh Bé Văn C. Sau khi ly hôn, chị đề nghị anh C trực tiếp nuôi con chung, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai ngày 28/3/2025, anh Bé Văn C trình bày: Anh xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, con cái, tài sản chung, nợ chung như chị X trình bày là đúng. Giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn, do hai vợ chồng đi làm xa, khác công ty dẫn đến tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại anh vẫn còn tình cảm với chị X. Chị X yêu cầu ly hôn anh không nhất trí, mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Bé Minh N, yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Hiện tại anh C làm công nhân thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung (cháu Bé Minh N) có ý kiến: Hiện tại cháu học lớp 3 tại Trường Tiểu học T1 và sống với bố Bé Văn C và ông bà nội. Bố C đã đi làm và thường xuyên gọi điện về hỏi thăm cháu, mẹ X ít khi gọi điện, cháu đã không gặp mẹ từ năm 2024. Trường hợp bố, mẹ ly hôn cháu sống với bố hoặc mẹ đều được.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án và lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về hướng giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố cho chị Đàm Thị X được ly hôn với anh Bé Văn C.

Về con chung: Giao con chung Bé Minh N, sinh ngày 10/12/2016 cho anh Bé Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng. Sau khi ly hôn, chị X có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi có căn cứ, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Đàm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Đàm Thị X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giải quyết về ly hôn đối với bị đơn Bé Văn C có địa chỉ cư trú tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn Đàm Thị X, bị đơn Bé Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đàm Thị X và anh Bé Văn C kết hôn vào ngày 01/7/2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Chị X và anh C đủ điều kiện kết hôn; không thuộc trường hợp cấm kết hôn và được đăng ký đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đàm Thị X và anh Bé Văn C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn Đàm Thị X cho rằng từ khi kết hôn, hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Năm 2019, bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do chồng nghiện ma túy, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Bị đơn Bé Văn C lại cho rằng sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, do hai vợ chồng đi làm xa nhau nên dần dần tình cảm phai nhạt, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện tại anh vẫn còn tình cảm với vợ, mong vợ quay lại chung sống, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên từ khi ly thân và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh C không có động thái và giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị X và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung:

Chị X và anh C có 01 con chung: Bé Minh N, sinh ngày 10/12/2016, hiện tại cháu đang sinh sống với anh C. Sau khi ly hôn chị X yêu cầu anh Chính trực T nuôi con; anh C cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ nhỏ cháu N đã sống cùng anh C, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Bé Minh N cho anh Bé Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh C yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ tuổi trưởng thành; chị X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Qua xác minh tại nơi cư trú của các đương sự, chi phí chăm sóc, học tập, nuôi dạy một cháu

nhỏ khoảng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp có căn cứ cần chấp nhận.

Về phương thức cấp dưỡng: Được tính theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị X được ly hôn với anh Bé Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Bé Minh N, sinh ngày 10/12/2016 cho anh Bé Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Đàm Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi (hoặc đến khi có bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị X có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đàm Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Đàm Thị X đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002781 ngày 14/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đàm Thị X, anh Bé Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Trung Phúc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đình Quang Toàn